TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15/11/2019.
"V/v ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN-TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Tạ Hữu Tịnh.

2- Ông Phạm Đức Hoài.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đen, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang: Bà Lai Thị Ngọc Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 196/2019/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 6 năm 2019 về việc: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2019/QĐXX-ST, ngày 14 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 102/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Dương Thị L, sinh năm 1988 (vắng mặt).

2- Bị đơn: Anh Hồ Văn T, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã N.A, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/3/2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Dương Thị L trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Hồ Văn T tự nguyện về chung sống với nhau năm 2010, không có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương. Đến ngày 25/4/2011 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N.A, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng chung sống được thời gian thì

phát sinh ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường cự cải, xung đột nhau, từ đó làm cho hạnh phúc gia đình không còn nữa và vợ chồng đã ly thân cho đến năm nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 người con tên Hồ Quốc T, sinh ngày 26/5/2011, từ khi ly thân cho đến nay chị L là người nuôi con, cuộc sống của cháu T cũng ổn định và chị L có điều kiện nuôi con. Nay chị yêu cầu xin được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị Dương Thị L thừa nhận không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đối với bị đơn anh Hồ Văn T Tòa án đã tống đạt hợp lệ gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị L.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Dương Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu nêu trên.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Hồ Văn T vắng mặt.

Quan điểm của đại viện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luất.

Về giải quyết vụ án:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận yêu cầu của chị Dương Thị L, xử cho chị Dương Thị L và anh Hồ Văn T được ly hôn.

2. Về con chung: Ghi nhận yêu cầu của chị Dương Thị L giao cháu Hồ Quốc T, sinh ngày 26/5/2011 cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị Dương Thị L thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con và bị đơn trong vụ án có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Đối với chị Dương Thị L đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, chị L đã có lời trình bày thể hiện trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vắng mặt đối với chị Dương Thị L theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Đối với anh Hồ Văn T được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh Hồ văn T.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Dương Thị L và anh Hồ Văn T tự nguyện về chung sống với nhau năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N.A, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Theo giấy chứng nhận kết hôn số 53 ngày 25/4/2011 nên hôn nhân của chị L và anh T là hợp pháp.

Về mâu thuẫn, là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường cự cải, xung đột với nhau, từ đó vợ chồng đã ly thân đến nay hơn 03 năm. Từ khi ly thân cho đến nay anh chị và gia đình hai bên cũng không tự hòa giải với nhau được.

Từ đó, xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Dương Thị L xử cho chị Dương Thị L và anh Hồ Văn T ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị Dương Thị L và anh Hồ Văn T có 01 người con tên Hồ Quốc T, sinh ngày 26/5/2011, chị L yêu cầu xin được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, yêu cầu của chị L là có cơ sở. Bởi vì, từ khi ly thân cho đến nay chị L chăm sóc, nuôi dưỡng cháu, cuộc sống của cháu vẫn ổn định và bản thân chị có đủ điều kiện để nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận yêu cầu của chị L là giao cháu Hồ Quốc T cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản và nợ chung: Chị Dương Thị L thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Dương Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Vậy chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nêu trên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xư cho chị Dương Thị L và anh Hồ Văn T được ly hôn.

2. Về con chung: Ghi nhận yêu cầu của chị Dương Thị L là giao cháu Hồ Quốc T, sinh ngày 26/5/2011cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết chị L và anh T có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị Dương Thị L thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Dương Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo lai thu số 0001910, ngày 11/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy chị L đã nộp đủ tiền án phí.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị L và anh T vắng mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- UBND xã Nam Thái A;.
- Các đương sự;;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký, đóng dấu

Phạm Thanh Tâm